

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28



Số: 932 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục "Các khoản phải thu khác" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoản phải thu từ 02 tổ trưởng đội xây dựng đã chết với số tiền khoảng 4,77 tỷ VND. Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu nêu trên, dẫn đến khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 4,77 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2014, Công ty đã tạm kết chuyển doanh thu và giá vốn theo tỷ lệ lãi gộp dự toán. Nếu ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành và tỷ lệ lãi gộp thực tế thì khoản mục "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" và "Lỗ kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ tăng 9,1 tỷ VND, đồng thời khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm với số tiền tương ứng.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số công trình do Công ty thi công xây lắp (không bao gồm các công trình Công ty khoán cho các tổ, đội trực thuộc Công ty thi công) có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (tài khoản 154) lớn hơn doanh thu có thể thu được trong tương lai với số tiền khoảng 12,8 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận dự phòng giảm giá hàng tồn kho liên quan đến phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn doanh thu có thể thu hồi trong tương lai nói trên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc chưa ghi nhận dự phòng giảm giá hàng tồn kho dẫn đến khoản mục “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 12,8 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp với số tiền khoảng 1,2 tỷ VND theo thông báo của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa dẫn đến khoản mục “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục “Chi phí khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 1,2 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, năm 2014, Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các khoản phân bổ chi phí lương của bộ phận gián tiếp, chi phí nhân công thuê ngoài và các chi phí phát sinh liên quan đến sửa chữa, bảo hành đối với công trình đã hoàn thành từ các năm trước đang chờ quyết toán với số tiền khoảng 4 tỷ VND. Các chi phí này phát sinh sau khi công trình đã hoàn thành, chờ quyết toán công trình nên chúng tôi không có cơ sở để đánh giá việc ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là hợp lý hay không. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế và theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có khoản lỗ lũy kế khoảng 16,8 tỷ VND và chênh lệch thanh khoản thuần âm với số tiền khoảng 183 tỷ VND, đồng thời lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2014 của Công ty âm với số tiền khoảng 12,7 tỷ VND. Các yếu tố này dẫn đến quan ngại về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan tới vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1415-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>619.036.097.443</b>	<b>623.090.143.328</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.845.436.053</b>	<b>4.824.656.196</b>
1. Tiền	111		4.845.436.053	4.824.656.196
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>348.155.453.184</b>	<b>393.416.992.325</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	315.200.394.547	355.940.909.268
2. Trả trước cho người bán	132	7	15.104.195.098	18.776.599.684
3. Các khoản phải thu khác	135	8	32.606.830.462	31.286.029.649
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.755.966.923)	(12.586.546.276)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>264.519.413.220</b>	<b>222.773.268.734</b>
1. Hàng tồn kho	141		264.942.124.297	223.195.979.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(422.711.077)	(422.711.077)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.515.794.986</b>	<b>2.075.226.073</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		218.196.956	218.196.957
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.297.598.030	1.857.029.116
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>25.235.673.987</b>	<b>31.202.509.842</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.738.285.291</b>	<b>28.371.046.085</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.738.285.291	28.371.046.085
- Nguyên giá	222		89.394.943.583	90.166.904.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.656.658.292)	(61.795.858.905)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.497.388.696</b>	<b>2.831.463.757</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.497.388.696	2.831.463.757
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>644.271.771.430</b>	<b>654.292.653.170</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>575.497.448.565</b>	<b>563.486.170.317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>505.340.132.408</b>	<b>558.650.346.708</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	291.532.176.965	344.105.664.605
2. Phải trả người bán	312	12	123.101.025.192	79.768.384.674
3. Người mua trả tiền trước	313	13	21.653.200.554	51.705.231.917
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	17.814.726.642	22.938.970.740
5. Phải trả người lao động	315		5.443.549.400	10.412.598.400
6. Chi phí phải trả	316	15	10.430.582.227	12.890.562.461
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	33.313.376.641	34.447.802.281
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.051.494.787	2.381.131.630
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.157.316.157</b>	<b>4.835.823.609</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	69.248.225.248	3.926.732.700
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909	909.090.909
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>68.774.322.865</b>	<b>90.806.482.853</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>68.774.322.865</b>	<b>90.806.482.853</b>
1. Vốn điều lệ	411	18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	18	6.092.053.115	6.092.053.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	17.730.177.284	17.730.177.284
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.942.262.875	1.942.262.875
6. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	(16.818.170.409)	5.213.989.579
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>644.271.771.430</b>	<b>654.292.653.170</b>

*Tau*

*Ma*



Trần Thị Kim Oanh  
 Người lập biểu

Mai Văn Sơn  
 Kế toán trưởng

Ngô Hải An  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	293.293.109.832	412.291.997.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		293.293.109.832	412.291.997.804
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	250.143.001.517	367.447.605.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.150.108.315	44.844.392.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	58.595.867	1.769.390.863
7. Chi phí tài chính	22		47.693.890.359	34.088.214.038
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.496.520.966	34.088.214.038
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.464.059.493	12.588.141.912
9. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(17.949.245.670)	(62.572.391)
10. Thu nhập khác	31		809.609.435	3.628.459.450
11. Chi phí khác	32		95.733.135	200.659.279
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	713.876.300	3.427.800.171
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(17.235.369.370)	3.365.227.780
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	881.466.652
15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(17.235.369.370)	2.483.761.128
16. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(3.447)	497

*Trần Thị Kim Oanh*

Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

*Mai Văn Sơn*

Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



*Ngô Hải An*  
Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(17.235.369.370)</b>	<b>3.365.227.780</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.394.518.368	7.839.188.845
Các khoản dự phòng	03	2.169.420.647	621.004.875
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(762.540.431)	(2.700.127.024)
Chi phí lãi vay	06	46.496.520.966	34.088.214.038
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>37.062.550.180</b>	<b>43.213.508.514</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	42.888.668.963	(93.978.572.007)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(41.746.144.486)	77.684.479.806
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.367.715.561)	12.351.555.440
Thay đổi chi phí trả trước	12	334.075.061	1.414.830.336
Tiền lãi vay đã trả	13	(46.310.767.561)	(34.084.520.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.926.483.174)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	735.836.152	815.351.800
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(370.328.838)	(2.431.331.154)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(12.773.826.090)</b>	<b>2.058.819.118</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(715.939.392)	(852.960.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	703.944.564	935.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.595.867	260.730.978
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>46.601.039</b>	<b>5.442.770.978</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	208.304.394.566	259.943.054.331
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(195.556.389.658)	(263.617.709.211)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(5.858.146.650)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>12.748.004.908</b>	<b>(9.532.801.530)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>20.779.857</b>	<b>(2.031.211.434)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.824.656.196</b>	<b>6.855.867.630</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.845.436.053</b>	<b>4.824.656.196</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả bao gồm lãi dự trả trong năm 2013 đã trả trong năm 2014 với số tiền 621.534.595 VND và không bao gồm lãi dự tính trong năm 2014 với số tiền 807.288.000 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không bao gồm cổ tức đã thông báo chia trong các năm trước và năm 2014 nhưng chưa trả cho các cổ đông với số tiền là 5.121.850.350 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



**Trần Thị Kim Oanh**  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



**Mai Văn Sơn**  
Kế toán trưởng



**Ngô Hải An**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 1552/QĐ-BXD ngày 04 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2603000225 ngày 05 tháng 11 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 07/QĐ-TTGDHN ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VC5.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 317 (31 tháng 12 năm 2013: 448).

**Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Xây dựng các công trình công nghiệp và thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, cảng thủy và cảng hàng không; Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện; Gia công cơ khí xử lý và tráng phủ kim loại; Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ môi giới, cung ứng và quản lý lao động trong nước;
- Bán buôn tổng hợp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa, bảo trì: Thiết bị cơ, điện, nước, và các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Kinh doanh các sản phẩm từ gỗ công nghiệp phục vụ trong xây dựng và gia dụng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

***Đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong mười hai tháng tới kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản lỗ lũy kế khoảng 16,8 tỷ VND và chênh lệch thanh khoản thuần âm với số tiền khoảng 183 tỷ VND, đồng thời lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2014 của Công ty âm với số tiền khoảng 12,7 tỷ VND. Các yếu tố này dẫn đến quan ngại về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng thanh toán của Công ty trong vòng 12 tháng tới hoàn toàn phụ thuộc vào việc Công ty có thể thu hồi được các khoản công nợ, khả năng các tổ chức kinh tế, ngân hàng tiếp tục cung cấp các khoản tín dụng và khả năng huy động vốn từ các nhà đầu tư cũng như khả năng tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới. Báo cáo tài chính chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Công ty sẽ đẩy mạnh việc thu hồi các khoản phải thu, đặc biệt là các khoản phải thu quá hạn.
- Công ty đã đề ra chủ trương và thực hiện các biện pháp cắt giảm, tiết kiệm chi phí quản lý, hoạt động trong 12 tháng tới.
- Công ty có kế hoạch thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp trong sáu tháng đầu năm 2015.
- Công ty cũng đang tìm các nguồn tài chính cần thiết để có thể tự trang trải được các khoản nợ khi đáo hạn.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng ngoài các hợp đồng thi công xây lắp đã ký với chủ đầu tư chuyển tiếp sang năm 2015, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính khác.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2014</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, dàn giáo, cốp pha được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.452.761.336	371.549.798
Tiền gửi ngân hàng	3.392.674.717	4.453.106.398
	<b>4.845.436.053</b>	<b>4.824.656.196</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu các bên liên quan	174.273.295.201	208.674.070.156
Phải thu các đối tượng khác	140.927.099.346	147.266.839.112
<i>Công ty Cổ phần Điện VIETRACIMEX Lào Cai</i>	32.062.615.350	27.096.763.053
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Constrexim</i>	23.228.091.633	31.228.091.633
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma</i>	16.361.969.799	10.756.566.515
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 1 Hà Nội</i>	14.067.692.841	-
<i>Ban quản lý các dự án và khai thác hạ tầng</i>	9.773.818.207	9.773.818.207
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư T&amp;M Việt Nam</i>	5.832.194.563	12.521.752.485
<i>Nhà máy Giấy Bãi Bằng</i>	4.879.955.742	4.879.955.742
<i>Tập đoàn Viettel</i>	4.861.235.392	1.418.397.615
<i>Nhà máy giấy An Hòa</i>	4.038.311.148	1.125.269.319
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Tây</i>	3.424.357.000	11.324.357.000
<i>Nhà máy Xi Măng Sông Gianh</i>	2.766.271.314	2.766.271.314
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung</i>	2.584.960.000	173.351.420
<i>Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội</i>	2.544.965.240	-
<i>Ban quản lý dự án Giao thông 1</i>	2.449.550.000	42.047.999
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng số 9</i>	2.013.377.000	-
<i>Công ty Kim khí Hải Phòng</i>	1.581.934.813	1.581.934.813
<i>Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa</i>	1.162.610.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn</i>	21.381.441	23.586.297.313
<i>Công ty TNHH MTV Than Hạ Long</i>	-	947.262.993
<i>Các đối tượng khác</i>	7.271.807.863	8.044.701.691
	<b>315.200.394.547</b>	<b>355.940.909.268</b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, các khoản vay ngắn, dài hạn của Công ty được thế chấp bởi quyền thu tiền từ các hợp đồng thi công xây lắp do Công ty thực hiện.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các đối tượng khác	15.104.195.098	18.776.599.684
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Á Đông</i>	6.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất Đầu tư Thương mại Hoàng Linh</i>	2.009.376.000	1.623.246.000
<i>Công ty TNHH Sunwood Vina</i>	1.436.914.487	1.436.914.487
<i>Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long tại TP HCM</i>	-	949.959.978
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng và Thương mại Bắc Miền Trung</i>	1.377.305.879	-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam</i>	-	6.035.419.154
<i>Công ty TNHH Tập Đoàn thang máy Thiết bị Thăng Long</i>	-	2.045.309.600
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn Cầu</i>	-	1.551.000.000
<i>Các đối tượng khác</i>	4.280.598.732	5.134.750.465
	<b>15.104.195.098</b>	<b>18.776.599.684</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ứng trước cho các đội xây dựng	32.209.479.831	30.571.881.956
Phải thu khác	397.350.631	714.147.693
	<b><u>32.606.830.462</u></b>	<b><u>31.286.029.649</u></b>

Số dư khoản mục “Các khoản phải thu khác” tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoản phải thu từ 02 tổ trưởng đội xây dựng đã chết. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi đầy đủ giá trị các khoản phải thu này và quyết định không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu này với số tiền khoảng 4,77 tỷ VND.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.985.031.044	2.749.211.597
Công cụ, dụng cụ	855.378.297	1.029.238.142
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	259.101.714.956	219.417.530.072
	<b><u>264.942.124.297</u></b>	<b><u>223.195.979.811</u></b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(422.711.077)	(422.711.077)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>264.519.413.220</u></b>	<b><u>222.773.268.734</u></b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số công trình do Công ty thi công xây lắp (không bao gồm các công trình Công ty khoán cho các tổ, đội trực thuộc Công ty thi công) có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (tài khoản 154) lớn hơn doanh thu có thể thu được trong tương lai với số tiền khoảng 12,8 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng Công ty sẽ thu hồi đầy đủ số dư của khoản mục Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình nêu trên. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các công trình này.

Trong năm 2014 Công ty đã tạm kết chuyển doanh thu và giá vốn theo tỷ lệ lãi gộp dự toán. Nếu ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành và tỷ lệ lãi gộp thực tế thì khoản mục “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” và “Lỗ kế toán trước thuế” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ tăng 9,1 tỷ VND, đồng thời khoản mục “Hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm với số tiền tương ứng.

Năm 2014, Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các khoản phân bổ chi phí lương của bộ phận gián tiếp, chi phí nhân công thuê ngoài và các chi phí phát sinh liên quan đến sửa chữa, bảo hành đối với công trình đã hoàn thành từ các năm trước đang chờ quyết toán với số tiền khoảng 4 tỷ VND. Các chi phí này phát sinh sau khi công trình đã hoàn thành, chờ quyết toán công trình. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị quyết toán sẽ tăng thêm theo đó chưa kết chuyển số tiền 4 tỷ VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	11.426.967.553	42.659.187.597	13.500.948.130	22.579.801.710	90.166.904.990
Mua trong năm	-	515.393.938	-	-	515.393.938
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	246.363.636	-	-	246.363.636
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.479.036.126)	-	(54.682.855)	(1.533.718.981)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11.426.967.553</b>	<b>41.941.909.045</b>	<b>13.500.948.130</b>	<b>22.525.118.855</b>	<b>89.394.943.583</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	4.883.118.898	33.349.654.383	11.736.865.301	11.826.220.323	61.795.858.905
Trích khấu hao trong năm	270.876.671	3.545.025.853	504.508.769	2.074.107.075	6.394.518.368
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.479.036.126)	-	(54.682.855)	(1.533.718.981)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>5.153.995.569</b>	<b>35.415.644.110</b>	<b>12.241.374.070</b>	<b>13.845.644.543</b>	<b>66.656.658.292</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>6.272.971.984</b>	<b>6.526.264.935</b>	<b>1.259.574.060</b>	<b>8.679.474.312</b>	<b>22.738.285.291</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>6.543.848.655</b>	<b>9.309.533.214</b>	<b>1.764.082.829</b>	<b>10.753.581.387</b>	<b>28.371.046.085</b>

Nguyên giá của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 36.578.819.791 VND (năm 2013: 24.479.378.127 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19.995.539.141 VND (năm 2013: 25.153.840.711 VND) để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngắn hạn	288.183.999.265	338.688.521.747
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	3.348.177.700	5.417.142.858
	<b>291.532.176.965</b>	<b>344.105.664.605</b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn 01 năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty và thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định và khoản thu trong tương lai từ các công trình, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 10,75%/năm đến 12%/năm. Năm 2014, Công ty được các tổ chức tín dụng hỗ trợ giảm lãi suất các khoản vay cũ xuống còn 10,5%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	228.440.291.538	242.866.849.215
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bim Sơn	31.783.870.485	63.331.969.309
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	27.959.837.242	32.489.703.223
	<b>288.183.999.265</b>	<b>338.688.521.747</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	9.256.343.594	23.225.856.860
Phải trả các đối tượng khác	113.844.681.598	56.542.527.814
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Đông Nai</i>	28.561.995.539	-
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp và Trang trí Nội thất Việt Nam</i>	15.623.548.814	19.040.017.909
<i>Công ty Cổ phần Thép và Thương mại Hà Nội</i>	9.337.198.657	-
<i>Công ty Cổ phần ANT Toàn cầu</i>	7.847.085.263	3.754.879.947
<i>Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tuấn Phong</i>	4.592.014.575	849.923.610
<i>Công ty TNHH MTV Bộ Công An Thăng Long</i>	3.779.974.341	949.959.978
<i>Công ty CP Đầu tư Văn Phú</i>	2.542.075.500	-
<i>Công ty Cổ phần CIEC Toàn cầu</i>	2.171.472.288	1.679.625.301
<i>Công ty TNHH Duy Thành</i>	1.979.100.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thép và Vật tư công nghiệp</i>	1.901.402.900	2.401.402.900
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành</i>	1.730.241.641	-
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Santek</i>	1.652.605.121	640.692.147
<i>Công ty TNHH Quang Vinh Hải</i>	1.375.953.170	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Thép Toàn cầu</i>	1.290.804.790	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Trung Anh</i>	1.232.636.910	2.791.290.170
<i>Công ty Cổ phần Thương mại &amp; Xây dựng Tổng hợp</i>	1.186.014.641	1.186.014.641
<i>Tổng công ty Cơ điện Xây dựng</i>	1.154.489.000	1.154.489.000
<i>Công ty TNHH MTV Thái An</i>	1.018.451.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Miền Bắc</i>	934.348.507	5.611.381.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Trà My</i>	726.645.000	1.026.645.000
<i>Các đối tượng khác</i>	23.206.623.941	15.456.206.211
	<b>123.101.025.192</b>	<b>79.768.384.674</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nhận ứng trước từ các bên liên quan	7.143.014.112	24.543.376.529
Nhận ứng trước từ các đối tượng khác	14.510.186.442	27.161.855.388
<i>Tập đoàn Viễn thông Quân đội</i>	4.743.377.550	17.085.657.200
<i>Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm và Hỗ trợ ngành ong</i>	3.499.751.400	3.499.751.400
<i>Tổng Công ty phát điện 1</i>	2.878.986.359	-
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn</i>	2.157.465.664	2.157.465.664
<i>Các đối tượng khác</i>	1.230.605.469	1.156.538.124
<i>Công ty Cổ phần ĐT và PT Đô thị Thăng Long</i>	-	3.262.443.000
	<b>21.653.200.554</b>	<b>51.705.231.917</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.291.291.205	21.915.863.809
Thuế thu nhập cá nhân	928.099.126	725.438.776
Thuế nhà đất	595.336.311	297.668.155
	<b>17.814.726.642</b>	<b>22.938.970.740</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình	9.565.214.227	12.081.027.866
Trích trước chi phí lãi vay	807.288.000	621.534.595
Trích trước khác	58.080.000	188.000.000
	<u>10.430.582.227</u>	<u>12.890.562.461</u>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	5.581.919.947	3.012.179.229
Phải trả các đội xây dựng	22.172.963.652	27.218.580.659
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.558.493.042	4.217.042.393
	<u>33.313.376.641</u>	<u>34.447.802.281</u>

Theo Biên bản làm việc của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa, Công ty chịu khoản phạt chậm nộp tiền bảo hiểm với số tiền khoảng 1,2 tỷ VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty sẽ không phải thanh toán số tiền phạt chậm nộp nêu trên, theo đó, quyết định không ghi nhận vào báo cáo tài chính năm 2014 số tiền phạt chậm nộp nêu trên.

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn	72.596.402.948	9.343.875.558
- Vay dài hạn (i)	3.926.732.700	9.343.875.558
- Vay ngắn hạn được cơ cấu lại thời hạn trả nợ (ii)	68.669.670.248	-
	<u>72.596.402.948</u>	<u>9.343.875.558</u>

(i) Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn theo hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cẩu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 11%/năm đến 11,5%/năm.

(ii) Vay ngắn hạn được cơ cấu lại thời hạn trả nợ phản ánh các khoản vay lúc đầu là vay ngắn hạn sau đó được ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ. Theo lịch trả nợ đã được cơ cấu lại, nợ gốc các khoản vay này sẽ được thanh toán trong vòng từ ba năm đến năm năm kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.348.177.700	5.417.142.858
Trong năm thứ hai	578.555.000	3.348.177.700
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.669.670.248	578.555.000
	<u>72.596.402.948</u>	<u>9.343.875.558</u>
<b>Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng</b> (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.348.177.700	5.417.142.858
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u>69.248.225.248</u>	<u>3.926.732.700</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn Chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	9.828.000.000	5.397.093.115	15.934.233.993	2.804.781.886	11.578.387.359
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.483.761.128
Chuyển từ quỹ khác sang	-	-	694.960.000	(694.960.000)	-	-
Trích các quỹ	-	-	-	2.501.303.291	384.815.890	(2.886.119.181)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)
Chi quỹ	-	-	-	(10.400.000)	(1.247.334.901)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc	-	-	-	-	-	(962.039.727)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.828.000.000</b>	<b>6.092.053.115</b>	<b>17.730.177.284</b>	<b>1.942.262.875</b>	<b>5.213.989.579</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(17.235.369.370)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	203.209.382
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>9.828.000.000</b>	<b>6.092.053.115</b>	<b>17.730.177.284</b>	<b>1.942.262.875</b>	<b>(16.818.170.409)</b>

**Cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 5.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Cổ tức và trích các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 03 tháng 4 năm 2014, do năm 2013 Công ty không đạt kế hoạch lợi nhuận, Công ty đã trích một phần lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2011 để bù vào trả cổ tức cho năm 2013, như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2013:	2.483.761.128 VND;
- Trích lợi nhuận chưa phân phối năm 2011 để trả cổ tức:	2.516.238.872 VND;
- Tổng cộng số tiền:	5.000.000.000 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 02 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được góp đủ, chi tiết như sau:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi			Vốn thực góp đến ngày 31/12/2014			
Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Thành tiền VND	
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.550.000	51%	25.500.000.000	2.550.000	51%	25.500.000.000
Các cổ đông khác	2.450.000	49%	24.500.000.000	2.450.000	49%	24.500.000.000
<b>5.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và hoạt động khác, trong đó hoạt động khác là cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động xây lắp. Doanh thu hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	286.359.663.406	394.848.467.333
Doanh thu khác	6.933.446.426	17.443.530.471
	<b>293.293.109.832</b>	<b>412.291.997.804</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	248.190.930.509	353.099.586.498
Giá vốn khác	1.952.071.008	14.348.018.610
	<b>250.143.001.517</b>	<b>367.447.605.108</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	58.595.867	133.230.978
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	127.500.000
Lãi thanh lý Công ty con	-	1.508.659.885
	<b>58.595.867</b>	<b>1.769.390.863</b>

**23. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	703.944.564	935.000.000
Thu từ thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	20.439.545	2.161.453.354
Khác	85.225.326	532.006.096
Thu nhập khác	809.609.435	3.628.459.450
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	4.263.839
Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thanh lý	14.446.300	51.974.321
Khác	81.286.835	144.421.119
Chi phí khác	95.733.135	200.659.279
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>713.876.300</b>	<b>3.427.800.171</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(17.235.369.370)</b>	<b>3.365.227.780</b>
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(127.500.000)
Trừ: Chi phí điều chỉnh theo thanh tra thuế	-	(529.896.317)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	81.286.835	144.413.119
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(17.154.082.535)</b>	<b>2.852.244.582</b>
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	713.061.146
Điều chỉnh khác	-	168.405.506
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>881.466.652</b>

**25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(17.235.369.370)	2.483.761.128
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(3.447)	497

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.751.934.554	120.239.290.774
Chi phí nhân công	58.242.375.190	107.926.991.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.394.518.368	7.839.188.845
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.547.614.703	45.995.963.619
Chi phí khác bằng tiền	2.985.289.432	21.022.327.208
Các khoản dự phòng	2.369.513.647	621.004.875
	<b>303.291.245.894</b>	<b>303.644.766.734</b>

**27. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Số dư phải trả người bán và phải trả thuế tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm một số khoản phải trả đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng/quy định. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải chịu phạt do thanh toán chậm so với hợp đồng/quy định. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận cho khoản công nợ tiềm tàng này trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và số 17, trừ số dư tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	360.780.402.213	348.032.397.305
Trừ: Tiền	4.845.436.053	4.824.656.196
Nợ thuần	355.934.966.160	343.207.741.109
Vốn chủ sở hữu	68.774.322.865	90.806.482.853
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>5,18</b>	<b>3,78</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	4.845.436.053	4.824.656.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.051.258.086	374.640.392.641
Tài sản tài chính khác	680.551.106	1.375.695.263
<b>Tổng cộng</b>	<b>338.577.245.245</b>	<b>380.840.744.100</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	360.780.402.213	348.032.397.305
Phải trả người bán và phải trả khác	150.832.481.886	111.204.007.726
Chi phí phải trả	10.430.582.227	12.890.562.461
<b>Tổng cộng</b>	<b>522.043.466.326</b>	<b>472.126.967.492</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Công ty đánh giá rằng chi phí thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro có thể cao hơn chi phí phát sinh do các rủi ro tiềm ẩn do thay đổi về lãi suất và giá của các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng hoặc giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm hoặc tăng 7.215.608.044 VND (năm 2013: 6.960.647.946 VND).

	<b>Tăng/Giảm số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(7.215.608.044)
VND	-200	7.215.608.044
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	(6.960.647.946)
VND	-200	6.960.647.946

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một số khoản phải thu khó đòi của một số khách hàng với số dư là 18.229.448.910 VND (31 tháng 12 năm 2013: 18.352.028.152 VND). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền 14.755.966.923 VND (31 tháng 12 năm 2013: 12.586.546.276 VND). Ngoài các khoản phải thu khó đòi nêu trên, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng hoặc đối tác khác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền	4.845.436.053	-	4.845.436.053
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.051.258.086	-	333.051.258.086
Tài sản tài chính khác	680.551.106	-	680.551.106
	<b>338.577.245.245</b>	<b>-</b>	<b>338.577.245.245</b>

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	291.532.176.965	69.248.225.248	360.780.402.213
Phải trả người bán và phải trả khác	150.832.481.886	-	150.832.481.886
Chi phí phải trả	10.430.582.227	-	10.430.582.227
	<b>452.795.241.078</b>	<b>69.248.225.248</b>	<b>522.043.466.326</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần**

**(114.217.995.833) (69.248.225.248) (183.466.221.081)**

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền	4.824.656.196	-	4.824.656.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	374.640.392.641	-	374.640.392.641
Tài sản tài chính khác	1.375.695.263	-	1.375.695.263
	<b>380.840.744.100</b>	<b>-</b>	<b>380.840.744.100</b>

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	344.105.664.605	3.926.732.700	348.032.397.305
Phải trả người bán và phải trả khác	111.204.007.726	-	111.204.007.726
Chi phí phải trả	12.890.562.461	-	12.890.562.461
	<b>468.200.234.792</b>	<b>3.926.732.700</b>	<b>472.126.967.492</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần**

**(87.359.490.692) (3.926.732.700) (91.286.223.392)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá có rủi ro thanh khoản. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ngoài ra, Công ty có các khoản công nợ quá hạn có thể dẫn đến phát sinh các khoản lãi, phạt theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các quyết định của các cơ quan chức năng và các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của các vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
BQL Dự án Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	Ban quản lý thuộc Công ty mẹ
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
BĐH Ký túc xá Đại học Quốc gia TP.HCM	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
BĐH thi công giai đoạn 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	Ban điều hành thuộc Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 1	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 2	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Vinaconex 6	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 9	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 11	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 12	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng số 15	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Vimeco	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP ĐT và PT Du lịch Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư PT Nhà và Đô thị Vinaconex	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty CP ĐTXD và PT Năng lượng Vinaconex	Công ty liên doanh/liên kết của Công ty mẹ

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	76.663.110.700	10.076.254.402
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	5.906.249.051	60.306.026.426
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	-	50.458.093.779
BQL Dự án mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	5.383.966.581	12.222.523.868
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	1.722.442.726	16.611.838.636
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	38.150.470.685	58.919.339.197
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	4.638.578.285
Công ty Cổ phần XD Công trình ngầm Vinavico	31.688.126	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	19.279.696.261	-
Công ty Cổ phần Vimeco	5.047.903.073	8.108.729.255
BĐH thi công Giai đoạn 1 dự án khu đô thị Bắc An Khánh	1.092.622.436	5.036.397.599
Công ty Cổ phần xây dựng số 12	-	18.181.818
Công ty Cổ phần xây dựng số 15	-	84.688.935
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Năng lượng Vinaconex	889.435.474	-
<b>Mua hàng trong năm</b>		
Công ty Cổ phần phát triển Thương mại Vinaconex	64.634.307	6.753.001.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	125.019.250	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	26.315.591	99.544.367
Công ty Cổ phần Vimeco	1.716.257.138	7.276.474.185
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	432.882.600	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 11	-	306.900.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	-	468.600.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 12	-	10.416.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	2.367.960.096
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	-	748.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
BĐH Dự án Hồ chứa nước Cửa Đạt	580.575.500	7.561.821.250
BĐH Ký túc xá ĐHQG TP.HCM	10.156.930.699	20.390.660.886
BĐH Thi công GĐ 1 Dự án KĐT Bắc An Khánh	1.851.488.269	1.759.207.367
BQL Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	5.213.220.808	6.554.665.674
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	79.904.828
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	8.216.765.120	10.421.336.986
Công ty Cổ phần Vimeco		24.523.159.849
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm Vinavico	14.787.783.168	14.793.917.764
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	57.675.771.687	54.429.028.099
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	45.656.383.526	33.655.932.490
Công ty Cổ phần Phát triển Thương Mại Vinaconex	30.114.376.424	33.589.665.135
Công ty Cổ phần Viaconex 6	-	51.424.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	93.157.828
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	-	750.188.000
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần ĐT và PT nhà đô thị Vinaconex	40.196.820	40.196.820
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	67.708.000	67.708.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vinaconex	-	995.944.077
Công ty Cổ phần Vimeco	8.476.203.171	20.662.635.289
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	-	707.232.243
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	656.515.800	656.515.800
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	2.595.172	82.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	13.124.631	13.124.631
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
<b>Người mua trả trước</b>		
BĐH Dự án Xây dựng Đại học Quốc gia TP.HCM	1.817.607.261	1.817.607.261
Công ty Cổ phần Vimeco	-	1.688.462.900
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	4.325.406.851	4.325.406.851
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.000.000.000	16.595.003.393
Công ty Cổ phần ĐTXD và Phát triển Năng lượng Vinaconex	-	116.896.124
	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	901.129.000	924.688.000

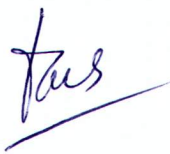
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Trần Thị Kim Oanh  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Mai Văn Sơn  
Kế toán trưởng



Ngô Hải An  
Tổng Giám đốc